TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **116**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04-11-2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hoàng Thám;

Bà Nguyễn Bé Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 263/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Tuyết D, sinh năm: 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc P, sinh năm: 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 8 năm 2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đoàn Tuyết D trình bày:

Bà và ông Nguyễn Quốc P chung sống với nhau năm 2007, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyễn Phích, huyện U Minh. Sau khi chung sống cuộc sống luôn mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P không lo làm ăn, không lo cuộc sống gia đình và thường xuyên uống rượu rồi về kiếm chuyện cự cãi, chửi mắng bà. Bà đã cho ông P nhiều lần sửa đổi nhưng ông P không sửa đổi mà còn chửi mắng bà nhiều

hơn. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu xin ly hôn với Nguyễn Quốc P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phước H, sinh năm 2008. Con chung có nguyện vọng sống với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, con chung có nguyện vọng sống với tôi thì tôi yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tại sản chung: tự thỏa thuận. Nợ chung: Không yêu cầu.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Quốc P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống đúng như bà D trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như bà D trình bày, ông chỉ thỉnh thoảng nhậu, lâu lâu có la mắng cự cãi với bà D, sự việc ly hôn hai bên gia đình chưa biết, ông muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Phước H, bà D yêu cầu nuôi con ông đồng ý giao con cho bà D nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông thống nhất nhận nhà và đất và đồng ý nhận trả toàn bộ số nợ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam do đây là đất cha mẹ để lại, không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án.

- Tại biên bản xác minh ngày 10/10/2019 xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa ông P và bà D thì được chính quyền địa phương xác nhận: giữa vợ chồng ông P và bà D có xảy ra mâu thuẫn do ông P nhậu về thì cự cãi với bà D, có báo chính quyền địa phương hòa giải, làm việc với anh P nhiều lần để hàn gắn cho bà D và ông P.

- Tại phiên tòa, Nguyễn Phước H trình bày: Cháu có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ không chung sống với nhau.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Việc tuân thủ tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân bà D và ông P tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà D là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không hàn gắn được, bà D yêu cầu ly hôn là cơ sở. Về con chung, bà Đoàn đồng ý nuôi con, đồng ý ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của bà D về ly hôn, giao con chung cho bà D nuôi dưỡng, ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Đoàn Tuyết D và ông Nguyễn Quốc P được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Đoàn Tuyết D và ông Nguyễn Quốc P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà Đoàn Tuyết D và ông Nguyễn Quốc P là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng bà Đoàn Tuyết D và ông Nguyễn Quốc P xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải với nhau được, nguyên nhân là do ông P sau khi uống rượu vợ thì có lời lẽ cự cãi với bà D, sự việc mâu thuẫn vợ chồng trước đó đã được chính quyền địa phương làm việc. Tại phiên tòa, bà D xác định thời gian gần ông P không sửa đổi, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với ông P nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông P.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình … và cùng chung sống với nhau …nhưng tại phiên tòa, bà D xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông P và vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông P. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông P không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng hiệu quả cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đoàn Tuyết D với ông Nguyễn Quốc P.

Về con chung: Vợ chồng 01 con chung tên Nguyễn Phước H, sinh ngày 29/7/2008 hiện chung sống với bà D. Con chung có nguyện vọng sống với bà D, ông P cũng đồng ý giao con cho bà D nuôi nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Nguyễn Phước H, sinh ngày 29/7/2008 cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng. Ông P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông D đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 800.000 đồng, bà D cũng đồng ý mức cấp dưỡng ông P nêu. Do đó, buộc ông P cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Phước H, sinh ngày 29/7/2008 mỗi tháng 800.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án, ông P chậm thi hành số tiền nêu trên thì còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

Về tại sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm bà Đoàn Tuyết D phải chịu 300.000 đồng. Ông P phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Tuyết D được ly hôn với ông Nguyễn Quốc P.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phước H, sinh ngày 29/7/2008 cho bà Đoàn Tuyết D tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Quốc P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Nguyễn Quốc P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Phước H, sinh ngày 29/7/2008 cho bà Đoàn Tuyết D mỗi tháng 800.000 (Tám trăm ngàn) đồng, cấp dưỡng hàng tháng, cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung tron 18 tuổi.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án, ông P chậm thi hành số tiền nêu trên thì còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Đoàn Tuyết D phải nộp 300.000 đồng, bà Đoàn Tuyết D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0004552 ngày 20/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí, bà Đoàn Tuyết D đã nộp xong.

Ông Nguyễn Quốc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THA DS huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu:Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Việt Hằng